

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX**

KP 4, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp.HCM

Điện thoại: 08. 38 963 658 Fax: 08. 38 967 522

Website: [www.lixco.com](http://www.lixco.com)



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2010*

# MỤC LỤC

	Trang
I. Lịch sử Công ty	2
II. Tình hình hoạt động kinh doanh	4
III. Cơ cấu cổ đông	5
IV. Báo cáo của Hội đồng quản trị	7
V. Báo cáo của Ban tổng giám đốc	10
VI. Tổ chức và nhân sự	15
VII. Báo cáo tài chính	19
VIII. Giải trình báo cáo tài chính	24

## I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Những sự kiện quan trọng

#### a. Quá trình thành lập:

- Tiền thân Công ty cổ phần Bột giặt Lix là nhà máy sản xuất các loại hóa chất gia dụng được xây dựng từ năm 1972 với tên gọi là Công ty Kỹ nghệ hóa phẩm Huân Huân.
- Đến năm 1977: Nhà máy chuyển sang hình thức xí nghiệp hợp doanh và đổi lấy tên thành “Nhà máy Công tư hợp doanh Linh Xuân” thuộc Nhà máy Bột giặt Viso.
- Tháng 01/1980: Nhà máy tách ra khỏi nhà máy Viso và đổi tên thành “Nhà máy Quốc doanh Bột giặt Linh Xuân” trực thuộc Công ty Bột giặt miền Nam.
- Tháng 08/1992: Nhà máy chuyển thành Công ty Bột giặt Lix trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất công nghiệp và Hóa chất tiêu dùng - Bộ Công nghiệp nặng.
- Tháng 05/1993: Công ty đăng ký kinh doanh lại theo Quyết định số 296/QĐ/TCNSĐT của Bộ Công nghiệp nặng.
- Tháng 01/1994: Khánh thành Chi nhánh Lix - Hà Nội tại huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội, Nhà máy có công suất 5.000 tấn bột giặt/năm.
- Tháng 04/2005: Chuyển Chi nhánh Lix - Hà Nội từ huyện Gia Lâm sang quận Thanh Xuân. Cơ sở sản xuất này do Công ty mua lại từ Công ty Liên doanh Liên doanh Unilever Việt Nam. Công suất nhà máy là 30.000 tấn bột giặt/năm.
- Tháng 04/2008: thành lập Chi nhánh Lix - Bình Dương và đang tiến hành thủ tục đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất.


#### b. Quá trình cổ phần hóa và niêm yết:

- Ngày 27/06/2003: Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 110/2003/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Công ty Bột giặt Lix.
- Ngày 30/09/2003: Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Bột giặt Lix với vốn điều lệ 36 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.
- Ngày 05/04/2008: Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu thưởng và tăng vốn điều lệ từ 36 tỷ đồng lên 72 tỷ đồng.
- Ngày 22/08/2009: Công ty thực hiện việc trả cổ tức bằng cổ phiếu đợt cuối năm 2008 và phát hành cổ phiếu thưởng, tăng vốn điều lệ từ 72 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng.
- Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 22/08/2009 đã thông qua việc niêm yết cổ phiếu Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Ngày 10/12/2009: Công ty chính thức thực hiện giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

**c. Các thành tích Công ty đã đạt được trong những năm qua**

Năm	Thành tích đạt được
2004	– Danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2004”.
2005	– Cờ của Bộ Công nghiệp tặng “Đơn vị xuất sắc phong trào thi đua năm 2005”. – Danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2005”.
2006	– Cờ của Chính phủ tặng Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2006. – Danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao 2006”. – Danh hiệu “Thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam năm 2006”.
2007	– Danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao 2007”.
2008	– Danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao 2008”. – Danh hiệu “Thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam năm 2008”.
2009	– Cờ của Chính phủ tặng Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2009. – Cờ của Tổng Liên Đoàn LĐVN tặng Đơn vị xuất sắc công tác BHLĐ. – Danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao 2009”. – Danh hiệu “Top 100 thương hiệu hàng đầu 2009”.

**2. Giới thiệu Công ty:**

- Tên công ty: Công ty cổ phần Bột giặt Lix
- Tên giao dịch: Lix Detergent Joint stock Company
- Tên viết tắt: LIXCO
- Logo: 
- Trụ sở chính: Khu phố 4, Phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh.
- Giấy CNĐKKD: Số 4103001845 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 9 năm 2003. Đăng ký và thay đổi lần thứ 4 theo giấy chứng nhận ĐKKD và đăng ký thuế số 0301444263 ngày 26 tháng 10 năm 2009.
- Điện thoại: (84-8) 3896 3658 Fax: (84-8) 3896 7522
- Website: www.lixco.com Email: lixco@lixco.com
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 VNĐ (Chín mươi tỷ đồng)
- Ngành nghề kinh doanh: Công nghiệp sản xuất các chất tẩy rửa tổng hợp và mỹ phẩm; Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất, bao bì; Kinh doanh xuất nhập khẩu; Kinh doanh bất động sản.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

### 1. Sản phẩm

- **Bột giặt:**

Đây là nhóm sản phẩm chủ lực của Công ty, chiếm tỉ trọng cao trong tổng sản lượng sản xuất và tiêu thụ hàng năm. Bột giặt với thương hiệu nổi tiếng LIX Extra, LIX Siêu sạch, LIX Extra Chanh, YES đã trở thành mặt hàng quen thuộc với từng người dân, đặc biệt ở thị trường phía Nam và tại các hệ thống siêu thị lớn như Co.opMart, Big C, Metro, Lotte, Vinatex do những đặc điểm ưu việt là bột giặt kinh tế, tiết kiệm, có hương thơm độc đáo và giá thành rất cạnh tranh, có thể dùng cho cả giặt máy lẫn giặt tay, phù hợp với mọi nguồn nước. Đặc biệt, sản phẩm chủ lực là bột giặt LIX Extra chiếm 36% tổng sản lượng tiêu thụ của toàn Công ty, với thị trường được phân phối không chỉ ở trong nước mà còn được xuất khẩu sang Campuchia, các nước châu Phi và một số nước ở Trung Đông.



- **Nước rửa chén:**

Nước rửa chén mang thương hiệu LIX với hương Chanh và hương Trà xanh mặc dù ra đời sau các nhãn hiệu khác trên thị trường nhưng đã tạo được chỗ đứng vững chắc do sản phẩm có chất lượng tốt với giá bán hợp lý. Nước rửa chén LIX không chỉ là nhãn hiệu uy tín trong nước mà còn là thương hiệu nổi tiếng tại Campuchia.



- **Các mặt hàng khác**

Ngoài các nhóm sản phẩm chủ lực trên, Công ty còn có các sản phẩm nước giặt LIX, nước xả vải LIX, nước lau sàn LIX, nước tẩy toilet, nước tẩy Javel... bước đầu cũng được khách hàng ủng hộ và đã có sự tăng trưởng.



## 2. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty qua các năm

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1. Doanh thu	Tỷ đồng	356	413	523	649	881
-Tỷ lệ tăng trưởng	%	31%	16%	27%	24%	36%
2- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15	16	22	41	135
-Tỷ lệ tăng trưởng	%	20%	9,5%	37%	83%	224%

## 3. Định hướng phát triển

### a. Mục tiêu

- Doanh thu hàng năm tăng 5%.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 10% doanh thu.

### b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đa dạng hóa sản phẩm theo hướng phát triển các sản phẩm chăm sóc cá nhân.
- Ngoài việc mở rộng thị trường trong nước theo hướng sâu rộng, chiến lược phát triển thị trường trong trung dài hạn sẽ hướng đến việc mở rộng thị trường nước ngoài như Campuchia, các nước châu Phi và một số nước ở Trung Đông và các nước khác.

## III. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- Vốn điều lệ của Công ty : 90 tỷ đồng.
- Số cổ phần : 9.000.000 cổ phần.
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần.
- Cơ cấu vốn tại thời điểm 11/03/2010 : 376 cổ đông

Stt	Thành phần sở hữu	Số lượng cổ đông	SL cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ (%)
	<b>Trong nước</b>	<b>368</b>	<b>8.840.800</b>	<b>98,23</b>
01	Cá nhân	363	4.176.540	46,40
02	Tổ chức	5	4.664.260	51,83
	<b>Nước ngoài</b>	<b>8</b>	<b>159.200</b>	<b>1,77</b>
03	Cá nhân	6	79.860	0,89
04	Tổ chức	2	79.340	0,88
	<b>Cộng</b>	<b>376</b>	<b>9.000.000</b>	<b>100,00</b>

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của tổ chức khác: Không có
- Tổ chức có trên 50% vốn cổ phần tại Công ty: Tập Đoàn Hóa chất Việt Nam.
  - Thành lập theo quyết định số 2180/QĐ-TTg ngày 23/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ (trước là Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam).

- Tỷ lệ nắm giữ : 51% vốn.

Số t	Tổ chức	Địa chỉ	Số giấy ĐKKD	SL cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ
01	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1A Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	0106001053	4.590.000	51%

- Tình hình hoạt động của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Tăng trưởng bình quân hàng năm (%)
Doanh thu	13.501	18.138	23.864	30
Lợi nhuận	682	1.154	1.987	60
Nguồn vốn chủ sở hữu	4.342	5.292	6.818	23
Tổng tài sản	10.490	13.127	17.767	20

- Cổ đông nước ngoài:

Số TT	Cổ đông	Quốc tịch	Địa chỉ	SL cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ (%)
<b>Cá nhân</b>				<b>79.860</b>	<b>0,89</b>
01	Yamazaki atsushi	Japan	165 Ongi, Yotsukaido-Shi, Chiba-Ken, Japan	100	0,00
02	Kong jerry	Canada	15 lô 12B Trung Yên 10 Cầu Giấy, Hà Nội	16.510	0,18
03	Miyake shohei	Japan	Hyogoken Himejishi Shikamaku Sakaemachi 31 Japan 672-8053	300	0,00
04	Ong kian soon	Singapore	29 B Clementi Crescent S599542	400	0,00
05	Kang ki woong	Korea	Số 1 ngõ 511 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	50	0,00
06	Tseng, chih-hsien	Taiwan	Thẻ tạm trú số LA000038B2 do CA tỉnh Long An cấp ngày 05/12/2005	62.500	0,69
<b>Tổ chức</b>				<b>79.340</b>	<b>0,88</b>
01	Franklin templeton investment funds - templeton frontier markets funds	Luxembourg	26 Boulevard Royal L-2449 Luxembourg Grand Duchy of Luxembourg	77.440	0,86
02	New-s securities co., ltd	Japan	Ebisu Bldg, 11-10, 3-Chome, Higashi, Shibuya-ku, Tokyo	1.900	0,02
<b>CỘNG</b>				<b>159.200</b>	<b>1,77</b>

#### IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Bột giặt LIX gồm 05 thành viên:

Stt	Họ tên	Chức danh
1	Lâm Văn Kiệt	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thị Phương Liên	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Võ Thành Danh	Thành viên HĐQT
4	Lê Thị Liên	Thành viên HĐQT
5	Đoàn Thị Tám	Thành viên HĐQT

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị được qui định trong Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm năm, Hội đồng quản trị hiện nay được bầu từ Đại hội năm 2007.

##### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2009:

Trong năm 2009, kết quả kinh doanh của Công ty đạt hơn 880 tỷ đồng doanh thu, tăng 36% so với năm 2008, mang lại lợi nhuận 135 tỷ đồng, tăng hơn 220%. Tổng giá trị tài sản của Công ty cũng tăng 62%, lên mức 296 tỷ đồng. Đây là một nỗ lực rất lớn của Ban điều hành cũng như CBCNV Công ty trong bối cảnh nền kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính thế giới kéo dài suốt 2 năm liền.

##### 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tóm tắt một số chỉ tiêu trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm 31/12/2009:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2008	Năm 2009		
		Kế hoạch	Thực hiện	so sánh với kế hoạch
Tổng Giá trị tài sản	183.055.332.823	258.055.332.823	296.048.215.099	115%
Doanh thu thuần	648.724.693.624	820.000.000.000	881.439.921.669	108%
Lợi nhuận từ HĐKD	40.842.584.662	100.000.000.000	135.079.943.757	135%
Lợi nhuận khác	982.818.918	0	230.454.897	
Lợi nhuận trước thuế	41.825.403.580	100.000.000.000	135.310.398.654	135%
Lợi nhuận sau thuế	29.873.683.070	75.000.000.000	99.393.563.038	133%
Đầu tư XDCB	2.643.000.000	40.590.000.000	2.316.000000	6%
Tỷ lệ cổ tức/ mệnh giá	20%	20%	30%	150%



### 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2009:

Tại thời điểm quý 3 năm 2009, do tình hình thị trường chứng khoán có nhiều diễn biến thuận lợi, Hội đồng quản trị đã tổ chức Đại hội cổ đông bất thường để thông qua một số nội dung cơ bản, tạo cơ sở cho việc thực hiện niêm yết cổ phiếu Công ty trong năm.

Đại hội cổ đông bất thường ngày 22/08/2009 đã thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2008 và cổ phiếu thưởng đồng thời thông qua việc niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM. Sau khi thực hiện phát hành thêm cổ phiếu, vốn điều lệ công ty từ 72 tỷ đồng tăng lên 90 tỷ đồng và Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM vào ngày 10/12/2009.

### 4. Phương hướng hoạt động trong năm 2010:

#### a. Kế hoạch:

- Sản lượng tiêu thụ năm 2010 tăng 5%.
- Doanh thu năm 2010 tăng 5%.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 10% doanh thu.
- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2010 cụ thể:

Số tt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	So sánh 2010/2009
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	881	930	5%
	- Trong đó Doanh thu SP		826	880	6%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	135	100	-26%
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	53,9	32	-40%
4	Thu nhập bq/người/tháng	Triệu đồng	5,6	5,0	-11%
5	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	2,3	51	2093%
6	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	90	90	0%
7	Cổ tức	%	30	30	0%

#### b. Cơ sở thực hiện:

- Mở rộng thị trường nội địa với các biện pháp: củng cố mạng bán lẻ truyền thống, nhất là thị trường mà thương hiệu LIX đã có chỗ đứng vững chắc là các tỉnh miền tây, đồng thời mở rộng tiêu thụ tại các mạng bán lẻ hiện đại là các siêu thị cùng với việc sản xuất nhãn hàng riêng cho các siêu thị đó như Co.opMart, Big C, Metro.

Rà soát, củng cố lại các nhà phân phối địa phương bằng cách cử giám sát, tiếp thị trực tiếp tới các khu vực. Đưa ra các chương trình bán hàng linh hoạt và theo dõi sát đối thủ cạnh tranh nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề tiêu thụ sản phẩm.

- Xuất khẩu là một hướng phát triển quan trọng, tận dụng được ưu thế giá rẻ, cạnh tranh.

Công ty cần đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu trong khu vực Đông Nam Á, đặc biệt chú trọng đến Philippines và Nhật Bản vì mức tiêu thụ tại hai thị trường này đang có xu hướng gia tăng mạnh trong thời gian 3 quý gần đây. Sản lượng xuất khẩu hiện nay đã được đẩy mạnh ở mức hơn 30% sản lượng tiêu thụ của Công ty, việc đẩy mạnh thị trường tiêu thụ xuất khẩu cho thấy sự năng động của Công ty trong việc mở rộng thị trường ra nước ngoài và giảm thiểu rủi ro nếu chỉ tập trung vào thị trường nội địa.

- Hiện đại hoá, tự động hóa thiết bị và cải tiến công nghệ. Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất sẽ cải thiện và ổn định chất lượng sản phẩm, tăng năng suất, giảm giá thành, tạo điều kiện cạnh tranh tốt hơn. Công ty đang tập trung vào việc xây dựng một cơ sở sản xuất hiện đại, đầu tư công nghệ tiên tiến, đáp ứng được yêu cầu cả về sản lượng lẫn chất lượng không chỉ cho thị trường nội địa mà còn cho xuất khẩu. Đồng thời điều này cũng tạo một hình ảnh LIXCO hiện đại, sạch đẹp trong mắt khách hàng và đối tác.
- Theo hướng phát triển sản xuất đã xác định từ ĐHCĐ 2008, cơ sở sản xuất mới ở Bình Dương dự kiến sẽ tăng công suất chất tẩy rửa lông tại phía Nam lên gấp 02 lần hiện nay đồng thời tại đây cũng có một tổng kho phân phối cho khu vực phía Nam. Dự án đầu tư này hiện đang được tiếp tục thực hiện và sẽ tiến hành giai đoạn xây dựng trong năm 2010.

## 5. Thông tin hoạt động quản trị công ty:

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2007 – 2012 :

Stt	Họ tên	Chức danh
1	Lâm Văn Kiệt	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thị Phương Liên	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Võ Thành Danh	Thành viên HĐQT
4	Lê Thị Liên	Thành viên HĐQT
5	Đoàn Thị Tám	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2007 – 2012 :

Stt	Họ tên	Chức danh
1	Đào Quang Toàn	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên BKS
3	Huỳnh Thị Diễm Lê	Thành viên BKS

- Hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý một lần, ngoài ra còn những buổi họp đột xuất, các thành viên đều có dự họp đầy đủ.

Qua các cuộc họp, Hội đồng quản trị đã ra 3 nghị quyết quản trị về các việc:

- Tăng vốn điều lệ từ 72 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng.

- Nhận chuyển nhượng nhà xưởng gắn liền với đất tại 233 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
- Phê duyệt dự án đầu tư Xưởng sản xuất chất tẩy rửa lỏng công suất 60.000 tấn/năm và tổng kho phân phối tại khu công nghiệp Đại Đăng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

- Hoạt động của Ban kiểm soát: báo cáo riêng
- Thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát
  - + Hội đồng quản trị : 153.600.000 đồng/năm
  - + Ban Kiểm soát : 33.600.000 đồng/năm
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 7/9
- Hoạt động tăng cường hiệu quả quản trị công ty:

Hội đồng quản trị đã ban hành Quy chế quản trị theo hướng dẫn đối với các công ty niêm yết. Trong năm 2010 sẽ bổ sung chức danh thư ký công ty, giúp việc cho Hội đồng quản trị.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

Từ khi chính thức niêm yết giao dịch cổ phiếu Công ty vào ngày 10/12/2009 đến thời điểm chốt danh sách tham dự Đại hội thường niên ngày 11/03/2010, các thành viên trong Hội đồng quản trị không thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phần.
- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan:

Từ ngày chính thức niêm yết 10/12/2009 đến thời điểm chốt danh sách tham dự Đại hội thường niên 11/03/2010 không phát sinh giao dịch.
- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan : không có giao dịch.

## V. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

Trong năm 2009, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể nhân viên Công ty đã nỗ lực làm việc, cùng hợp tác để thực hiện và đạt những mục tiêu kế hoạch đề ra. Nhìn chung, Công ty đã đạt được những thành quả khả quan về mọi mặt của kế hoạch. Trong đó có một số thành tựu nổi bật và điển hình về các mặt hoạt động của công ty.

### 1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2008	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	% đạt so với KH 2009	% đạt so với TH 2008
01	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	649	820	881	107%	136%
	Trong đó: D.thu sản phẩm	Tỷ đồng	632	794	826	104%	131%
02	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	41,8	100	135	135%	324%
03	Số phải nộp NS	Tỷ đồng	16,7	35,3	53,9	152%	321%
04	Thu nhập bình quân người lao động/tháng	Triệu đồng	3,5	5,3	5,6	105%	160%
05	Vốn đầu tư XDCB	Tỷ đồng	2,6	40,6	2,3	6%	88%
06	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	72	72	90	125%	125%
07	Cổ tức	%	20%	20%	30%	150%	150%

- Trong năm 2009 giá vật tư nguyên liệu có diễn biến rất phức tạp, đầu năm cao, giữa năm giảm và tăng vào những tháng cuối năm. Tuy nhiên do dự trữ được nguyên liệu giá rẻ từ năm 2008 cho nên Công ty đã linh hoạt áp dụng chính sách bán hàng, nhờ đó gia tăng lợi nhuận trong những tháng đầu năm. Đến quý 4 khi giá vật tư tăng cao thì sự thuận lợi này có giảm bớt, tuy vậy Công ty vẫn đạt mức lợi nhuận khá cao, tăng 220% so với năm trước.
- Sản lượng tiêu thụ tăng 24% là mức tăng khá so với các năm trước, trong đó bột giặt tăng 30%, và các chất tẩy rửa lồng tăng 16%. Đáng chú ý là sự tăng trưởng này từ 2 kênh tiêu thụ lớn là hệ thống các siêu thị và xuất khẩu. Trong năm 2009 Công ty đã nhận được hợp đồng sản xuất nhãn hàng riêng cho hai hệ thống siêu thị lớn tại Việt Nam là Co.opMart và Metro, nhờ đó sản lượng tiêu thụ tại các hệ thống siêu thị tăng hơn 3 lần so với năm 2008. Điều này là một điểm nhấn cho thấy sự lớn mạnh và vị trí của thương hiệu LIX trên thị trường chất tẩy rửa nội địa.

Tại các tỉnh phía Bắc, thị trường vẫn chưa đạt mức tăng trưởng như mong muốn do cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm địa phương. Ngoài ra việc quảng bá thương hiệu sản phẩm còn hạn chế và gặp nhiều khó khăn do thiếu ngân sách phân bổ cho hoạt động quảng cáo, điều này phần nào làm giảm sức cạnh tranh của sản phẩm thương hiệu LIX với các sản phẩm khác cùng phân khúc.

- Thị trường xuất khẩu có rất nhiều chuyển biến về sản lượng lẫn doanh thu. Năm 2009 sản lượng xuất khẩu tăng 34%, chiếm hơn 30% sản lượng tiêu thụ, doanh thu đạt hơn 14 triệu USD, tăng 36% so với năm 2008. Trong đó phải kể đến là thị trường Philippines, Nhật, Thái Lan, Malaysia tăng trưởng mạnh từ 50% đến hơn 100% so với 2008. Thị trường Campuchia và Nhật Bản đứng đầu về doanh thu xuất khẩu năm 2009 đã góp phần không nhỏ cho tổng doanh thu toàn năm. Thị trường Đài Loan từ trước đến nay vẫn không mạnh lại tiếp tục giảm sút do cạnh tranh với hàng Trung Quốc.



Sản phẩm LIX trong thị trường bán lẻ hàng tiêu dùng

▪ Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008
<b>I. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>246.017</b>	<b>162.957</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	94.475	22.251
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	25.913	0
3. Các khoản phải thu	48.867	61.261
4. Hàng tồn kho	68.578	78.066
5. Tài sản ngắn hạn khác	8.184	1.379
<b>II. Tài sản dài hạn</b>	<b>50.031</b>	<b>20.098</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2. Tài sản cố định	12.632	19.432
- Tài sản cố định hữu hình	11.574	18.583
- Tài sản cố định vô hình	831	849
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	227	0
3. Tài sản dài hạn khác	37.399	666
<b>III. TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>296.048</b>	<b>183.055</b>
<b>IV. Nợ phải trả</b>	<b>97.229</b>	<b>79.417</b>
1. Nợ ngắn hạn	93.299	74.379
2. Nợ dài hạn	3.930	5.038
<b>V. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>198.819</b>	<b>103.638</b>
<b>1. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>197.992</b>	<b>101.589</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.000	72.000
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.062	0
- Các quỹ	4.275	18.674

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	102.655	10.915
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0
<b>2.Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>827</b>	<b>2.049</b>
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	827	2.049
<b>VI. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>296.048</b>	<b>183.055</b>

Phân tích:

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn 25,913 tỷ đồng: đây là số vốn chưa sử dụng, tạm thời gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 năm.
- Tài sản cố định 12,632 tỷ đồng: trong đó giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình là 11,574 tỷ đồng; theo chế độ trích khấu hao tài sản cố định hiện hành, các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả được trích khấu hao tăng thêm để có nguồn vốn đổi mới thiết bị; các năm qua Công ty thường trích tăng khấu hao cơ bản, đặc biệt trong năm 2009 Công ty đã trích tăng thêm 1 lần khấu hao các tài sản là thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, dụng cụ quản lý. Tỷ lệ giá trị còn lại khoảng 19% nguyên giá và giá trị sổ sách thấp nhưng trong thực tế, thời gian sử dụng còn lại của đa số tài sản cố định đều trên 5 năm. Mặt khác, Công ty cũng thường xuyên cải tiến, đầu tư thiết bị.
- Tài sản dài hạn khác: trong đó có tiền thuê đất trong Khu Công nghiệp Đại Đăng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; thời gian thuê 48 năm, thanh toán 1 lần, số dư cuối năm 2009 là 36,385 tỷ đồng.

▪ **Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:**

Đầu năm 2009, vốn cổ đông là 72 tỷ đồng.

Đến tháng 10/2009 tăng vốn 18 tỷ đồng do chia cổ tức năm 2008 5% bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng 20% từ quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc các năm trước.

Vốn điều lệ cuối năm là 90 tỷ đồng.

▪ **Tổng số cổ phiếu theo từng loại:**

+ Cổ phiếu thưởng: 9.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu

▪ **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:**

+ Cổ phiếu thưởng: 9.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu

▪ Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ: không có

▪ Tổng số trái phiếu đang lưu hành: không có

▪ **Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn: dự kiến 30%**

**2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:**



- Quá trình thực hiện niêm yết chứng khoán đã thúc đẩy các đơn vị trong Công ty nỗ lực nhiều hơn để củng cố vị thế của thương hiệu LIX trong thương trường. Các phòng ban được đào tạo thêm về nghiệp vụ chứng khoán, từng thành viên trong công ty đều nhận thức được rằng việc niêm yết sẽ góp phần quảng bá Công ty với thị trường trong và ngoài nước.
- Việc áp dụng quản lý theo TPM tại các phân xưởng đã từng bước thay đổi nhận thức làm chủ máy móc thiết bị của người công nhân. Năm 2007 hiệu suất sử dụng thiết bị chỉ vào khoảng 70% thì đến năm 2009 có những phân xưởng đạt trên 85%. Thời gian giữa 2 lần ngưng máy tăng 22%. Các phân xưởng đều đạt AM 2 (Tự bảo trì mức 2).
- Năm 2009 Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001 của Công ty đã nhận được giấy chứng nhận thứ 4 kể từ lần đầu tiên nhận giấy chứng nhận ISO vào năm 2000.
- **Sản phẩm mới trong năm 2009:**
  - Sản phẩm nhãn hiệu LIX : Nước lau sàn LIX Hương Bạc Hà  
Nước rửa chén LIX Siêu Sạch  
Nước lau kính 3S - LIX
  - Sản phẩm cho Metro : Bột giặt và nước rửa chén ARO lemon
  - Sản phẩm cho Co.opMart : Bột giặt Co.opMart Hương hoa
  - Sản phẩm xuất khẩu Nhật : Nước tẩy đa dụng Cream Cleanser
  - Sản phẩm xuất khẩu Malaysia : Bột giặt Goodmaid
  - Sản phẩm xuất khẩu Philippines : Bột giặt Philipines

### 3. Kế hoạch phát triển:

- **Phát triển sản phẩm:**

Thực hiện mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm và đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng, Lixco hiện đang nghiên cứu sản xuất các sản phẩm như:

- Bột giặt ít bọt thích hợp với các loại máy giặt cửa trước.
- Nước tẩy rửa đa năng: dùng trong tẩy rửa gia dụng có thể dùng tẩy rửa sàn nhà, tường ốp gạch men, tẩy rửa các dụng cụ làm bếp, bếp gas, trang bị sứ vệ sinh. Dạng sản phẩm này đang được sử dụng phổ biến tại Nhật Bản.

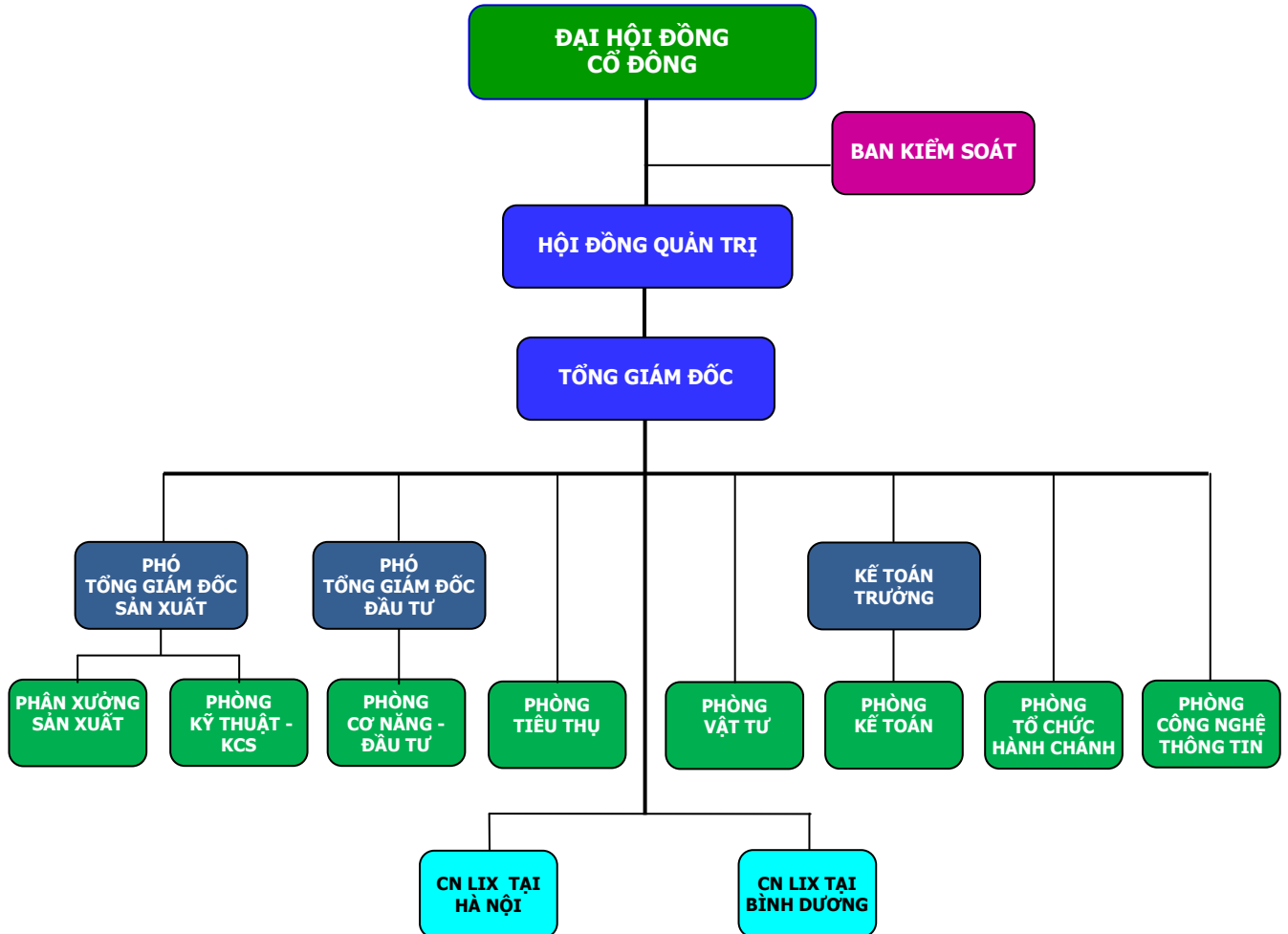
- **Đầu tư xây dựng:**

Đầu năm 2008 Công ty đã lập dự án đầu tư xây dựng xưởng chất tẩy rửa lỏng 60.000 tấn/năm và tổng kho phân phối trên khu đất 50.000 m<sup>2</sup> thuộc Khu công nghiệp Đại Đăng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Việc thuê đất đã thực hiện xong, nhưng do kinh tế nước ta bị ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính thế giới, giá cả vật tư xây dựng tăng quá cao nên Công ty tạm dừng dự án. Dự án này sử dụng khoảng 1/3 diện tích khu đất, diện tích còn lại để dành cho các dự án phát triển tương lai của Công ty. Giữa năm 2009 khi giá vật tư xây dựng giảm xuống Công ty quyết định tiếp tục thực hiện dự án. Hiện nay dự án

đang trong giai đoạn trình duyệt đánh giá tác động môi trường. Trong năm 2010 Công ty sẽ tiến hành phân xây dựng công trình.

## VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

### 1. Cơ cấu tổ chức của công ty:



+ Ban Tổng Giám Đốc :

Stt	Họ tên	Chức danh
1	Lâm Văn Kiệt	Tổng giám đốc
2	Võ Thành Danh	Phó Tổng giám đốc
3	Nguyễn Phước Hùng	Phó Tổng giám đốc

### 2. Lý lịch tóm tắt của các cá nhân trong Ban điều hành:

<b>Ông Lâm Văn Kiệt</b>	<b>- Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	377/86 Lê Đại Hành, Phường 11, Quận 11, TP. HCM
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư Tự động hóa Công nghiệp



**Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*Quốc tịch:* Việt Nam  
*Địa chỉ thường trú:* 175 Thích Quảng Đức, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP.HCM  
*Trình độ chuyên môn:* Cử nhân kinh tế - Khoa Tài chính Kế toán

**Ông Võ Thành Danh - Thành viên Hội đồng quản trị**

*Quốc tịch:* Việt Nam  
*Địa chỉ thường trú:* 33 Quang Trung, P. Hiệp Phú, Quận 9, TP. HCM  
*Trình độ chuyên môn:* Kỹ sư Điện Công nghiệp

**Bà Lê Thị Liên - Thành viên Hội đồng quản trị**

*Quốc tịch:* Việt Nam  
*Địa chỉ thường trú:* 59/46 đường số 9, P. Linh Chiểu, Q. Thủ Đức, TP. HCM  
*Trình độ chuyên môn:* Cử nhân kinh tế - Khoa Tài chính Kế toán

**Bà Đoàn Thị Tám - Thành viên Hội đồng quản trị**

*Quốc tịch:* Việt Nam  
*Địa chỉ thường trú:* 80 Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, Quận Thủ Đức, TP. HCM  
*Trình độ chuyên môn:* Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Khoa Kế toán

**Ông Nguyễn Phước Hùng - Phó Tổng giám đốc**

*Quốc tịch:* Việt Nam  
*Địa chỉ thường trú:* C3/5 ấp 3, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP.HCM  
*Trình độ chuyên môn:* Kỹ sư Cơ khí

**Ông Đào Quang Toàn - Trưởng Ban kiểm soát**

*Quốc tịch:* Việt Nam  
*Địa chỉ thường trú:* Nhà 142/285 Đội Cấn, Ba Đình, TP. Hà Nội  
*Trình độ chuyên môn:* Cử nhân kinh tế khoa Kinh tế Kế hoạch

**Ông Nguyễn Ngọc Quang****- Thành viên Ban kiểm soát***Quốc tịch:*

Việt Nam

*Địa chỉ thường trú:*

68 Bình Phú, P. Tam Phú, Quận Thủ Đức, TP.HCM

*Trình độ chuyên môn:*

Quản lý sản xuất

**Bà Huỳnh Thị Diễm Lệ****- Thành viên Ban kiểm soát***Quốc tịch:*

Việt Nam

*Địa chỉ thường trú:*

62/70A Cách Mạng Tháng 8, P. Quang Vinh, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

*Trình độ chuyên môn:*

Cử nhân kinh tế - Khoa Tài Chính Kế toán

**3. Chính sách đối với người lao động:**

Tổng số Cán bộ Công nhân viên : 820

Tại TP.HCM : 635 , Tại HN: 185

**- Chế độ làm việc:**

Công ty tổ chức làm việc ca hành chính 8h/ngày từ thứ 2 đến thứ 7. Ca sản xuất làm việc theo chế độ làm 12 tiếng nghỉ 24 tiếng, bình quân thời gian làm việc là 48 giờ/tuần. Người lao động làm thêm giờ sẽ được bố trí nghỉ bù hoặc thanh toán tiền lương và phụ cấp theo luật định.

**- Nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản, lễ, tết:**

Người lao động được nghỉ lễ và tết 9 ngày trong năm, người lao động làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép năm theo luật định. Thời gian nghỉ phép năm được kéo dài đến hết quý 1 năm sau.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế của Nhà nước và nghỉ ốm đau hoặc thai sản.

*Dây chuyền phun sấy bột giặt**Dây chuyền đóng gói bột giặt thông dụng*

**- Điều kiện làm việc:**

Công nhân viên được cung cấp thiết bị hoặc dụng cụ theo công việc. Người lao động được cấp phát 02 bộ quần áo làm việc mỗi năm, được trang bị BHLĐ cá nhân tùy theo công việc.

Công ty thành lập Hội đồng Bảo hộ lao động (HĐ BHLĐ) chuyên trách về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong lao động sản xuất. Hoạt động BHLĐ hàng năm có kế hoạch và thực hiện đầy đủ từ huấn luyện đến trang bị phương tiện BHLĐ. HĐ BHLĐ kiểm tra hàng tháng sự tuân thủ các qui định về BHLĐ và bảo vệ môi trường.

Công ty thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho tất cả người lao động.

Hàng năm Công ty đều có tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát tại các nơi như Vũng tàu, Phan Thiết, Nha Trang, Đà Lạt . . .

**- Chế độ lương, thưởng, phúc lợi, bảo hiểm:**

Công ty thực hiện việc chi trả lương theo thang bảng lương của Công ty. Ngoài ra, người lao động còn được khen thưởng từ quỹ lương của Công ty theo năng suất và hiệu quả làm việc.

Thu nhập bình quân năm 2009 là 5,6 triệu đồng/người/tháng tăng 60% so với năm 2008.

Người lao động khi ký hợp đồng lao động được Công ty mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn con người.

Người lao động trong Công ty khi gặp khó khăn đột xuất, đau ốm, tang ma, cưới hỏi ... đều được Công đoàn quan tâm thăm hỏi và trợ cấp giúp đỡ.

**- Công tác nhân sự:**

*Tuyển dụng:* Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo, có tiêu chuẩn cho từng vị trí cụ thể. Chú trọng sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ đồng thời với bổ sung nhân lực từ bên ngoài để củng cố đội ngũ bộ máy quản lý kịp thời đáp ứng cho yêu cầu phát triển Công ty.

*Đào tạo:* Công ty kết hợp chặt chẽ việc đào tạo đồng thời với tạo cơ hội phát triển cho công nhân viên. Hàng năm, nhân viên và công nhân được tham gia các khoá huấn luyện đào tạo nội bộ hoặc bên ngoài để nâng cao năng lực và chuyên môn nghiệp vụ.



*Dây chuyền sản xuất chất tẩy rửa lỏng*



*Dây chuyền đóng gói bột giặt hộp*

## VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán;

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP NĂM 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	884.573.344.729	651.198.679.190
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	3.133.423.060	2.473.985.566
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	881.439.921.669	648.724.693.624
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	640.480.268.069	533.378.254.892
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		240.959.653.600	115.346.438.732
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.661.450.280	4.670.678.403
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	3.378.079.478	1.894.281.113
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		65.566.108	1.166.640.578
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	88.839.893.394	60.585.884.673
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	27.323.187.251	16.694.366.687
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		135.079.943.757	40.842.584.662
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	521.705.827	982.818.918
12.	Chi phí khác	32		291.250.930	-
13.	Lợi nhuận khác	40		230.454.897	982.818.918
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		135.310.398.654	41.825.403.580
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	36.192.162.203	11.916.350.986
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	(275.326.587)	35.369.524
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		99.393.563.038	29.873.683.070
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	11.044	3.319

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>246.017.165.152</b>	<b>162.956.863.013</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>94.474.856.567</b>	<b>22.250.795.655</b>
1.	Tiền	111		44.080.898.333	22.250.795.655
2.	Các khoản tương đương tiền	112		50.393.958.234	-
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>25.913.000.000</b>	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	25.913.000.000	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>48.867.122.974</b>	<b>61.260.993.933</b>
1.	Phải thu khách hàng	131	V.3	40.852.209.074	25.321.169.668
2.	Trả trước cho người bán	132	V.4	7.194.953.652	34.792.764.106
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.5	819.960.248	1.147.060.159
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>68.578.340.236</b>	<b>78.066.114.672</b>
1.	Hàng tồn kho	141		68.578.340.236	78.066.114.672
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.183.845.375</b>	<b>1.378.958.753</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	2.322.000	1.264.115.153
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	91.176.400
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	8.181.523.375	23.667.200
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>50.031.049.947</b>	<b>20.098.469.810</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.632.461.561</b>	<b>19.432.112.129</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	11.574.523.102	18.583.188.860
	<i>Nguyên giá</i>	222		59.808.597.634	57.716.482.941
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(48.234.074.532)	(39.133.294.081)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-



	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	830.956.641	848.923.269
	Nguyên giá	228		898.331.500	898.331.500
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.374.859)	(49.408.231)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	226.981.818	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>37.398.588.386</b>	<b>666.357.681</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	36.453.504.118	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	941.684.268	666.357.681
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.14	3.400.000	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>296.048.215.099</b>	<b>183.055.332.823</b>
	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>97.229.250.553</b>	<b>79.417.529.976</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>93.299.465.035</b>	<b>74.378.872.861</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	4.554.000.000	2.013.500.000
2.	Phải trả người bán	312	V.16	52.339.526.905	47.312.713.641
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.17	725.440.753	8.385.533.582
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	9.928.631.997	4.328.160.153
5.	Phải trả người lao động	315	V.19	20.894.926.832	9.322.900.624
6.	Chi phí phải trả	316	V.20	3.766.737.071	2.379.848.861
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	1.090.201.477	636.216.000
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.929.785.518</b>	<b>5.038.657.115</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331	V.22	706.887.493	2.662.107.709
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.23	2.261.886.520	1.590.067.254
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-

5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	961.011.505	786.482.152
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B -</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>198.818.964.546</b>	<b>103.637.802.847</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>197.991.602.420</b>	<b>101.589.355.721</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	90.000.000.000	72.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.25	1.062.195.116	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	530.891.493	14.930.891.493
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	3.743.170.195	3.743.170.195
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	102.655.345.616	10.915.294.033
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>827.362.126</b>	<b>2.048.447.126</b>
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.26	827.362.126	2.048.447.126
2.	Nguồn kinh phí	432		-	-
3.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>296.048.215.099</b>	<b>183.055.332.823</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài			-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		V.27	1.304.790.190	1.314.790.190
5.	Ngoại tệ các loại (USD)			2.095.560,29	733.700,92
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
**Theo phương pháp gián tiếp)**  
**NĂM 2009**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		<b>135.310.398.654</b>	<b>41.825.403.580</b>
2.	<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, 10	9.343.001.479	8.873.961.804
-	Các khoản dự phòng	03		-	(629.000.000)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		108.812.549	(531.028.440)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.604.360.284)	(1.232.662.724)
-	Chi phí lãi vay	06		65.566.108	1.166.640.578
3.	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>141.223.418.506</b>	<b>49.473.314.798</b>
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.588.058.231	(22.255.103.168)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.487.774.436	(24.894.888.871)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		9.870.782.888	3.121.787.563
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(35.191.710.965)	(1.171.504.049)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(51.904.108)	(1.204.742.338)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(31.390.706.618)	(5.359.769.738)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(9.336.830.034)	(1.554.579.932)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>98.198.882.336</b>	<b>(3.845.485.735)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 11	(2.543.350.911)	(2.642.899.001)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		51.100.000	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(25.913.000.000)	(6.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	9.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.489.929.487	1.232.662.724



	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>		<b>(24.915.321.424)</b>	<b>1.589.763.723</b>
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	6.551.600.000	81.521.866.468
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(4.011.100.000)	(81.512.766.468)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.600.000.000)	(7.200.000.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b>(1.059.500.000)</b>	<b>(7.190.900.000)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>72.224.060.912</b>	<b>(9.446.622.012)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>22.250.795.655</b>	<b>31.400.057.201</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	297.360.466
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>94.474.856.567</b>	<b>22.250.795.655</b>

Bản thuyết minh báo cáo tài chính: Xem website công ty: [www.lixco.com](http://www.lixco.com)

## VIII. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.

### 1. Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
- Ý kiến của kiểm toán độc lập:

Số: 0132/ 2010/BCTC-KTTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2010

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

### **Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2009 của Công ty Cổ phần Bột giặt Lix gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 08 tháng 02 năm 2010, từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty năm 2008 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 12 tháng 02 năm 2009 có dạng ý kiến chấp nhận toàn bộ.

## **CƠ SỞ Ý KIẾN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

## **Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt Lix tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

## **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)**

**Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc**  
(đã ký)

**Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên**  
(đã ký)

### **2. Kiểm toán nội bộ:**

Công ty không có bộ phận kiểm toán nội bộ.

**TP.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2010**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**